

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2019

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Hải

2. Ông Đỗ Đức Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Hoàng Yến - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Thông - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29, 30 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thu H - sinh năm 1984;

Trú tại: tổ T, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Hiện nay đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Kim T - sinh năm 1991;

Trú tại: tổ T, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Đội 3T, phân trại số 4, Trại giam Phú Sơn 4, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hồ V

Trú tại: tổ B, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Kim T kết hôn vào ngày 10/02/2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không được tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng vào ngày 10/02/2017. Khi cưới bà và ông T đều là lao động tự do.

Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc. Từ khi đăng ký kết hôn hai vợ chồng đã có mâu thuẫn, hay cãi vã và xô xát do ông T coi thường và đánh bà. Ngoài ra, ông T không phụ giúp kinh tế gia đình. Sau khi bị ông T đánh bà đã dọn ra khỏi nhà. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng được những người bạn khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Năm 2017, ông T bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị kết án 36 tháng tù. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông T có một con chung là Nguyễn Kim B (giới tính: nam) - sinh ngày: 12/10/2017. Sau khi ly hôn, bà sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai do Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng lập ngày 10/10/2019 tại phân trại số 4, Trại giam Phú Sơn 4, bị đơn ông Nguyễn Kim T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thu H kết hôn vào ngày 10/02/2017, có được tìm hiểu, tự nguyện, không tổ chức lễ cưới, kê khai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C. Khi kết hôn ông bà đều là lao động tự do.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông phạm tội và phải đi thụ hình tại trại giam Phú Sơn 4, Thái Nguyên. Năm 2017, ông bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng kết án 36 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Từ khi ông đi thụ hình bà H không xuống thăm cũng như thư từ liên lạc gì. Ngoài nguyên nhân mâu thuẫn trên giữa hai vợ chồng ông không có nguyên nhân nào khác. Ông cũng nhất trí ly hôn, tuy nhiên ông muốn sau khi chấp hành xong hình phạt tù ông sẽ nói chuyện và giải quyết vấn đề ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông xác nhận quá trình chung sống ông và bà H có một con chung là Nguyễn Kim B (Giới tính: nam) - sinh ngày: 12/10/2017. Do bản thân ông đang phải chấp hành án nên ông nhất trí giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ông không thể thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác nhận trong quá trình chung sống hai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay ông đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Phú Sơn 4, Thái Nguyên nên không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, ông đề nghị Tòa án tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử vắng mặt ông.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồ V trình bày: Ông là bố đẻ của Nguyễn Thu H, sinh năm 1984. Nguyễn Thu H và Nguyễn Kim T là quan hệ vợ chồng và có một người con chung là Nguyễn Kim B (sinh ngày: 12/10/2017). Hiện nay, con gái ông Nguyễn Thu H đã đi trả án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng, còn con rể ông Nguyễn Kim T cũng đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, Thái Nguyên. Hiện tại, cháu Nguyễn Kim B đang ở với ông. Ông nhất trí nuôi dưỡng và chăm sóc cháu B cho đến khi Nguyễn Thu H chấp hành xong hình phạt tù. Do bận việc gia đình ông không thể có mặt tại Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng để tham gia giải quyết vụ việc, ông đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng vắng mặt ông (xét xử vắng mặt).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng trình bày: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu H, cho bà Nguyễn Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Kim T.

- Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thu H đề nghị được nuôi con chung là cháu Nguyễn Kim B, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2019, ông T nhất trí với yêu cầu của bà H về nuôi con chung trong trường hợp ly hôn. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử vụ án, bà H đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị giao cháu Nguyễn Kim B cho ông Nguyễn Hồ V (ông ngoại) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2019 ông V đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B, ông bà nội của cháu B hiện cũng đã chết. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Kim B cho ông Nguyễn Hồ V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu cấp dưỡng, do vậy không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông T đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thu H viết đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” với ông Nguyễn Kim T. Bị đơn cư trú tại tổ T, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Về sự vắng mặt của các bên đương sự:

+ Đối với sự vắng mặt của bị đơn Nguyễn Kim T: Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án đồng thời lập biên bản lấy lời khai đối với ông T tại Trại giam Phú Sơn 4, Thái Nguyên theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T đề nghị xét xử vắng mặt ông.

+ Đối với sự vắng mặt của nguyên đơn Nguyễn Thu H: Ngày 14/8/2019, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng thụ lý vụ án xin ly hôn giữa nguyên đơn Nguyễn Thu H và bị đơn Nguyễn Kim T. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thu H đang được hoãn thi hành án với lý do nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi (Ngày 08/5/2019, Nguyễn Thu H bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng kết án 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy). Ngày 23/10/2019, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2019/QĐXXST-HNGĐ ấn định thời gian xét xử vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 11/11/2019. Quyết định này và giấy triệu tập đã được tổng đạt trực tiếp cho nguyên đơn Nguyễn Thu H, tuy nhiên bà H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ngày 12/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2019/QĐXXST-HNGĐ ấn định thời gian xét xử vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 29/11/2019. Quyết định này và giấy triệu tập được tổng đạt cho bà H thông qua ông Nguyễn Hồ V là bố đẻ của bà H. Ngày 29/11/2019, tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa khi thư ký báo cáo danh sách những người được tòa án triệu tập, nguyên đơn Nguyễn Thu H tiếp tục vắng mặt không có lý do. Để đảm bảo quyền lợi cho đương sự và cũng để giải quyết dứt điểm vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tiến hành xác minh sự có mặt của nguyên đơn Nguyễn Thu H tại địa phương. Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 30/11/2019.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã tiến hành xác minh tại Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Cao Bằng và xác định được nguyên đơn Nguyễn Thu H đã đi chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng vào ngày 27/11/2019. Tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng, bà Nguyễn Thu H đã có đơn xin xét xử vắng mặt (ngày 29/11/2019) với các nội dung sau: Về quan hệ hôn nhân, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Kim T. Về con chung: Do bà đang đi chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh

Cao Bằng, còn ông Nguyễn Kim T đang đi chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, Thái Nguyên nên bà đề nghị giao con chung cho ông Nguyễn Hồ V (hộ khẩu thường trú: tổ B, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) nuôi dưỡng và chăm sóc.

+ Đối với sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hồ V: Tại biên bản lấy lời khai ông V đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xét xử vắng mặt ông với lý do bận việc gia đình.

Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thu H kết hôn với ông Nguyễn Kim T vào ngày 10/02/2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng vào ngày 10/02/2017. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Kim T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thu H cho rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc. Từ khi đăng ký kết hôn hai vợ chồng đã có mâu thuẫn, hay cãi vã và xô xát do ông T coi thường và đánh bà. Ngoài ra, ông T không phụ giúp kinh tế gia đình. Sau khi bị ông T đánh bà đã dọn ra khỏi nhà. Năm 2017, ông T bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị kết án 36 tháng tù. Bà xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu tòa giải quyết ly hôn. Ông T thì cho rằng giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì ngoài việc năm 2017 ông bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị kết án 36 tháng tù. Từ khi ông đi thụ hình tại Trại giam Phú Sơn 4 bà H không thăm nom cũng như liên lạc gì. Ông cũng nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T là tồn tại. Năm 2017, khi ông T đi thụ hình bà H không thăm nom cũng như liên lạc gì. Và hiện nay bà H cũng đã đi chấp hành án. Như vậy, có thể thấy rằng bà H và ông T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được ghi nhận trong quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu của bà H, ý kiến của ông T cũng như quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Kim T có một con chung là Nguyễn Kim B (Giới tính: nam) - sinh ngày: 12/10/2017.

Do hiện nay cả hai bên đương sự đều đã đi chấp hành án phạt tù nên không có khả năng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Cháu Nguyễn Kim B hiện đang ở với ông ngoại là ông Nguyễn Hồ V. Bà Nguyễn Thu H đề nghị giao con chung cho ông Nguyễn Hồ V nuôi dưỡng và chăm sóc. Ông

V cũng nhất trí nuôi dưỡng và chăm sóc cháu B đến khi bà H chấp hành xong hình phạt tù.

Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế của nguyên đơn, bị đơn cần giao cháu Nguyễn Kim B cho ông Nguyễn Hồ V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi bà Nguyễn Thu H chấp hành xong hình phạt tù là đảm bảo điều kiện vật chất, tinh thần cũng như nhu cầu phát triển toàn diện về mọi mặt của cháu B và phù hợp quy định tại Điều 104 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay, cháu B đang ở với ông Nguyễn Hồ V. Các bên đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Khi đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết sau.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông T đều xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 104 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu H.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử bà Nguyễn Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Kim T.

[2]. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Kim B (Giới tính: nam) - sinh ngày: 12/10/2017 cho ông Nguyễn Hồ V (ông ngoại) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi bà Nguyễn Thu H chấp hành xong hình phạt tù.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Khi đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết sau.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Kim T xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thu H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0000524 ngày 09/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Bà Nguyễn Thu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Bà Nguyễn Thu H, ông Nguyễn Kim T (vắng mặt tại phiên tòa có lý do) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Hồ V (vắng mặt tại phiên tòa có lý do) có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- UBND phường Tân Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án卷.

**T M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quỳnh Mai